

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn K, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: số a, tổ R, ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Tường V, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: số C, ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại tòa ông K, bà V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn K trình bày:

Qua quen biết và có tình cảm với nhau nên vào năm 1989, ông và bà V cưới nhau, chung sống như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống kinh tế khó khăn. Đến tháng 01/2024, ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung, bà V nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông nhận thấy không còn tình cảm với bà V, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ông dọn ra ở riêng từ tháng 01/2024 đến nay. Vì vậy ông làm đơn xin được ly hôn với bà V để chấm dứt mối quan hệ này.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Đặng Thu Tường V1, sinh 1990 và Đặng Thị Kim H, sinh năm 1999, hai con đều đã thành niên, hai con mang họ của bà V vì ông bà không có làm giấy chứng nhận kết hôn nên trong giấy khai sinh của hai con không có tên cha. Do hai con đã thành niên và không có tên cha nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có..

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Tường V trình bày:

Bà và ông K cưới nhau vào năm 1989, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau đến nay ông K nhiều lần có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, nhiều lần đánh bà, không làm tròn trách nhiệm đối với gia đình nhưng nhiều lần bà đều tha thứ cho ông K. Đến tháng 01/2024, ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà phát hiện ông K tiếp tục quen người phụ nữ khác, ông K đã dọn ra ở với người phụ nữ kia hơn 02 tháng nay. Bà biết hiện ông K không còn tình cảm với bà. Bà xác định đã làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, hiện bà vẫn qua lại chăm sóc mẹ của ông K, bà không có lỗi gì với ông K và với gia đình chồng nên bà không đồng ý ký tên ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

-Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông K có 02 con chung tên Đặng Thu Tường V1, sinh 1990 và Đặng Thị Kim H, sinh năm 1999, hai con đều đã thành niên, hai con mang họ của bà vì bà và ông K không có làm giấy chứng nhận kết hôn nên trong giấy khai sinh của hai con không có tên cha. Do hai con đã thành niên và không có tên cha nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông K khởi kiện yêu ly hôn với bà V. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Phước, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông K và bà V thống nhất ông bà có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (địa phương nơi ông K và bà V đăng ký thường trú trước khi chung sống với nhau) về việc qua kiểm tra sổ bộ hộ tịch kết hôn không tìm thấy thông tin đăng ký kết của ông K. Qua đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông K, bà

V không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình và cũng không được công nhận hôn nhân thực tế theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Hiện tại ông K xác định không còn tình cảm với bà V, ông đã dọn ra ở riêng từ tháng 01/2024 đến nay. Bà V cũng xác định quá trình chung sống ông K nhiều lần quen người phụ nữ khác, ông không còn thương yêu bà, ông bà không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được vun đắp trên tình cảm tự nguyện, chung thủy từ hai phía và phải đăng ký kết hôn theo quy định mới được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông K và bà V chung sống nhưng vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, hiện tại không còn chung sống, ông K không còn yêu chăm sóc bà V và cũng không muốn tiếp tục chung sống với bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông bà khai quá trình chung sống có 02 con chung tên Đặng Thu Tường VI, sinh 1990 và Đặng Thị Kim Huệ, sinh năm 1999. Ông bà không giao nộp giấy khai sinh của hai con cho Tòa án. Ông bà đều khẳng định giấy khai sinh của hai con không ghi tên cha do không có đăng ký kết hôn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận con chung. Đồng thời ông bà không yêu cầu xác định cha cho con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu xác định cha cho con thì các bên được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K và bà V đều khai không có.

[5] Về án phí: Ông K là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn K.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn K và bà Đặng Thị Tường V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Ông Ngô Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005156 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận ông K đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan